TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ánh Sáng.
2. Ông Phạm Văn Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/8/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 543/2023/TLST – HNGĐ ngày 06/7/2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2023/QĐXXST– HNGĐ ngày 16/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Minh Q, sinh năm 1956.
Địa chỉ: Tổ F, ấp A, xã P, huyện L, Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Minh A, sinh năm 1957.
Địa chỉ: Tổ F, ấp A, xã P, huyện L, Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Quỹ tín dụng nhân dân P.
Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung L – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Q, bà Minh A1 có mặt; Quỹ tín dụng nhân dân P có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Minh Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Minh A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1976, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau. Bà Minh A1 đã từng ném quần áo, đồ đạc của tôi ra chuồng bò; đi nói xấu chồng và trù ẻo ông chết. Do mâu thuẫn

nên ông đã dọn ra ngoài ở khoảng 02 năm nay. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn xin được ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 6 con chung tên Bùi Minh T, sinh năm 1980; Bùi Thị Minh T1, sinh năm 1983; Bùi Minh T2, sinh năm 1986; Bùi Minh T3, sinh năm 1988; Bùi Minh T4, sinh năm 1990; Bùi Thị Minh T5, sinh năm 1993. Các con đều đã trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, để ông bà tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ông bà có vay Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền 150.000.000đ, đến nay đã trả được một phần nên không nhớ còn nợ chính xác bao nhiêu tiền. Ông đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Minh A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Q chung sống với nhau khoảng năm 1978, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vẫn hạnh phúc bình thường, không có mâu thuẫn gì. Bà vẫn lo làm ăn để chăm lo cho gia đình, nuôi các con ăn học. Khoảng 02 năm nay, ông Q có quan hệ với người phụ nữ khác nên tự ý bỏ nhà đi. Việc này tất cả các con trong gia đình đều biết. Nay, ông Q làm đơn xin ly hôn nhưng nói sai sự thật, bà không chấp nhận được. Ông Q tự ý bỏ nhà đi với người phụ nữ khác, nay lại kiếm cớ để xin ly hôn nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 6 con chung tên Bùi Minh T, sinh năm 1980; Bùi Thị Minh T1, sinh năm 1983; Bùi Minh T2, sinh năm 1986; Bùi Minh T3, sinh năm 1988; Bùi Minh T4, sinh năm 1990; Bùi Thị Minh T5, sinh năm 1993. Các con đều đã trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: còn khoản nợ tại Quỹ tín dụng nhân dân Phước Thái tổng cộng gốc và lãi là 193.239.000đ. Số tiền này ông bà vay để xây nhà và xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Bà vẫn trả nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản ghi ý kiến ngày 14/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Quỹ tín dụng nhân dân P trình bày:

Ông Bùi Minh Q và bà Nguyễn Thị Minh A đã ký kết hợp đồng vay vốn trả góp số 1-0041183/HĐTD ngày 18/10/2022 tại Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, tổng cả gốc và lãi là 193.239.000đ. Số tiền đã trả gốc và lãi là 42.944.000đ, còn lại gốc phải trả là 116.664.000đ, lãi phải trả là 33.631.000đ. Hiện khoản vay trên ông Q, bà Minh A1 vẫn trả đều hàng tháng nên Quỹ tín dụng nhân dân Phước T6 không có yêu cầu thu hồi nợ trước hạn, không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh,

thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Q, bà Minh A1 được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, trước năm 1986 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Do ông Q xác định tình cảm không còn, kiên quyết xin ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Q và bà Minh A1 là có thật, ông Q và bà Minh A1 cũng không còn tình cảm vợ chồng nữa. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, cho ông Q được ly hôn với bà Minh A1.

Về con chung: Ông bà có 6 con chung tên Bùi Minh T, sinh năm 1980; Bùi Thị Minh T1, sinh năm 1983; Bùi Minh T2, sinh năm 1986; Bùi Minh T3, sinh năm 1988; Bùi Minh T4, sinh năm 1990; Bùi Thị Minh T5, sinh năm 1993. Các con đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Minh A là bị đơn hiện đang cư trú tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Ông Q khởi kiện xin được ly hôn với bà Minh A1. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là "Tranh chấp ly hôn".

- Quỹ tín dụng nhân dân P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Long Thành vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nội dụng vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Minh Q và bà Nguyễn Thị Minh A tự nguyện sống chung với nhau từ khoảng năm 1976, 1978 tới nay, không đăng ký kết hôn và có 06 người con, trong đó người con đầu tiên sinh năm 1980. Như vậy, có căn cứ xác định ông Q, bà Minh A1 kết hôn trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực . Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân giữa ông Q và bà Minh A1 được coi là hôn nhân nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo ông Q thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà Minh A1 đã từng ném quần áo, đồ đạc của tôi ra chuồng bò; đi nói xấu chồng và trù ẻo ông chết. Hiện ông không còn tình cảm gì với bà Minh A1 và kiên quyết xin ly hôn.

Còn bà Minh A1 thì cho rằng ông Q trình bày không đúng. Ông Q có quan hệ với người phụ nữ khác nên đã bỏ nhà đi. Do ông Q trình bày không đúng sự thật nên bà không đồng ý ly hôn.

Qua trình bày của các đương sự và diễn biến tại phiên tòa thì cả ông Q và bà Minh A1 đã không còn tình cảm dành cho nhau. Bà Minh A1 xác định không muốn ly hôn chỉ vì con cái. Vì vậy, nếu ông Q và bà Minh A1 có tiếp tục sống với nhau cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của ông Q, cho ông Q được ly hôn với bà Minh A1.

Về con chung: Ông bà có 6 con chung tên Bùi Minh T, sinh năm 1980; Bùi Thị Minh T1, sinh năm 1983; Bùi Minh T2, sinh năm 1986; Bùi Minh T3, sinh năm 1988; Bùi Minh T4, sinh năm 1990; Bùi Thị Minh T5, sinh năm 1993. Các con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ - ST: Ông Q phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, nhưng là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông Q.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228; Điều 203, 220, 235, 264, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bùi Minh Q.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Minh Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị Minh A.

Về con chung: Ông bà có 6 con chung tên Bùi Minh T, sinh năm 1980; Bùi Thị Minh T1, sinh năm 1983; Bùi Minh T2, sinh năm 1986; Bùi Minh T3, sinh năm 1988; Bùi Minh T4, sinh năm 1990; Bùi Thị Minh T5, sinh năm 1993. Các

con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí HNGĐ – ST: Ông Q được miễn nộp án phí.

Ông Q, bà Minh A1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Quỹ tín dụng nhân dân Phước T6 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự H. Long Thành;*
- *VKS H. Long Thành;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Phước Bình;*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Đình Trung